

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sâm

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Mạnh S** -sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị H** -sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu Xóm C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chung ở chung nhà với mẹ đẻ chị H tại khu Xóm C, xã T và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xảy ra tranh cãi với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2011 đến nay, anh S về quê tại thị xã P ở và vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Dũng T- sinh ngày 09/9/2004. Hiện con chung ở cùng anh S. Nếu ly hôn, anh S đề nghị được trực tiếp con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh S không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần; giao văn bản tố tụng cho mẹ đẻ bị đơn; niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt, không hợp tác làm việc nên Tòa án không thu thập được lời trình bày, ý kiến, yêu cầu của bị đơn là chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh S giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh S trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Dũng T- sinh ngày 09/9/2004. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh S không yêu cầu.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do anh S không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú của bị đơn là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh S và chị H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy vợ chồng anh S, chị H chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và chị H thường đánh chửi anh S. Mặc dù đã được gia đình và chính quyền, đoàn thể khu, xã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng minh cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích chồng hôn nhân không đạt được nên anh S đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh S đã trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định và con chung có nguyện vọng muốn được sống cùng anh S. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh S không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Dũng T- sinh ngày 09/9/2004 cho anh Nguyễn Mạnh S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh S không yêu cầu.

2.2. Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007802 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh S đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng